

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 10 năm 2018.
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông : Nguyễn Văn Huyền

2. Ông: Phạm Văn ký

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Xuân Ngọc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại phòng xét xử. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST- HNGĐ ngày 8 tháng 6 năm 2018 về “ ly hôn, tranh chấp nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST ngày 17 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1984, có mặt.

Địa chỉ: Xóm 2, xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1979, vắng mặt.

Địa chỉ : Xóm 2, xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Th và anh Trần Văn C tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng, huyện Yên Mô vào năm 2005. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do hai bên tính cách không hợp, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, anh C có biểu hiện thiếu chung thủy vợ chồng, quan điểm sống của hai bên khác nhau. Tháng 5 năm 2018 chị Th đã ra ngoài thuê nhà ở riêng, vợ chồng đã ly thân , hai bên

không còn quan tâm đến đời sống chung của nhau, nay chị Th xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Th làm đơn xin ly hôn anh C.

Về con chung: Chị Th trình bày trong thời kỳ hôn nhân chị và anh C có 02 con chung, cháu Trần Minh Th, sinh ngày 23/4/2012 và cháu Trần Huyền Tr, sinh ngày 25/02/2006. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho mỗi người nuôi một cháu. Chị xin được nuôi cháu Trần Minh Th. Hai bên không bên nào phải góp phí tổn nuôi con cho bên nào.

Về chia tài sản chung và công nợ: Chị Th trình bày hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai: Anh Trần Văn C trình bày về quan hệ hôn nhân diễn biến của quan hệ vợ chồng như chị Th trình bày là đúng. Anh C cũng xác nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2018 hai bên không còn quan tâm đến đời sống chung của nhau chị Th đã thuê nhà ở riêng. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn có khả năng đoàn tụ nên anh không nhất trí ly hôn và cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến nỗi lớn chỉ là bất hòa trong cuộc sống do đó anh xin được đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Th có 2 con chung như chị Th trình bày là đúng. Nếu tòa án giải quyết cho ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Huyền Tr, còn cô Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Minh Th Hai bên không bên nào phải góp phí tổn nuôi con cho bên nào.

Về chia tài sản chung và công nợ: Anh và chị Th tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh C, chị Th tại chính quyền địa phương thể hiện: Anh C, chị Th kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật. Theo chính quyền địa phương được biết thì chị Th và anh C đã không còn ở cùng nhà. Chị Th đã thuê nhà ở ra ngoài, chị Th thuê nhà cùng thôn để ở, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Đối với con chung vợ chồng anh C, chị Th có hai con chung. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến: Về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước phiên tòa; Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56, điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Th xử cho chị Vũ Thị Th được Ly hôn với anh Trần Văn C; về con: Giao cho chị Vũ Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Minh Th, sinh ngày 23/4/2012; Giao cho anh Trần Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Huyền Tr, sinh ngày 25/02/2006. Hai bên không bên nào phải góp phí tổn nuôi con cho bên nào ; chị phải nộp án phí dân sự số tiền là 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại phiên hòa giải được và công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C, chị Th có hộ khẩu tại xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền của Tòa án huyện Yên Mô giải quyết, theo Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Vũ Thị Th và anh Trần Văn C xây dựng gia đình với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền. Nay chị Th xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên đề nghị xin được ly hôn, được quy định tại Điều 56 Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình .

[3] Chị Vũ Thị Th và anh Trần Văn C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau được thời gian khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, sau khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm được tiếng nói chung để giải quyết mâu thuẫn, dẫn tới hai vợ chồng ly thân. Hai bên không còn quan tâm đến nhau, chị Th đã thuê nhà ra sống ở nơi khác, hai bên không còn quan tâm đến nhau từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Việc chị Th trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng hai bên không có biện pháp nào để vợ chồng trở về đoàn tụ. Tại buổi hòa giải lần thứ nhất tại Tòa án, anh C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa thực sự trầm trọng, anh xét thấy vẫn còn tình cảm với vợ, nên anh xin đoàn tụ; Tòa án tạo điều kiện để hai vợ chồng tìm ra biện pháp, giải quyết mâu thuẫn, để trở về đoàn tụ, nhưng anh C thừa nhận không có biện pháp gì, tại buổi hòa giải lần 2 chị Th vẫn cương quyết xin được ly hôn. Chị Th cho rằng vợ chồng đã không còn tình cảm thì không bao giờ chị quay trở lại để xây dựng với anh C, chị đã hoàn toàn mất lòng tin đối với anh C nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải phóng cho chị được ly hôn với anh C. Việc chị Th trình bày vợ chồng mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng ly thân, hai bên không còn quan tâm đến đời sống chung của nhau, mục đích của cuộc hôn nhân không còn. Việc chị Th làm đơn xin ly hôn anh C là có căn cứ về mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Th được ly hôn với anh C căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Th và anh C có hai con chung: cháu Trần Minh Th, sinh ngày 23/4/2012 và cháu Trần Huyền Tr, sinh ngày 25/02/2006. Tại buổi hòa giải ngày 20/9/2018 chị Th, anh C có ý kiến nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì hai bên có nguyện vọng: Chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Minh Th, sinh ngày 23/4/2012; Anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Huyền Tr, sinh

ngày 25/02/2006. Hai bên không bên nào phải góp phí tổn nuôi con cho bên nào. Căn cứ điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Cho chị Vũ Thị Th ly hôn với anh Trần Văn C .

2. Về con: Giao cho chị Vũ Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Minh Th, sinh ngày 23/4/2012; Giao cho anh Trần Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Huyền Tr, sinh ngày 25/02/2006. Hai bên không bên nào phải góp phí tổn nuôi con cho bên nào. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Th đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0002022 ngày 08/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Thắng, huyện Yên Mô;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phan Ngọc Hà

